

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/DS - PT

Ngày: 18/7/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2021/DS – ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2022/QĐ – PT ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Võ Thị Y, sinh năm: 1962;
 2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1967;
- Cùng địa chỉ: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1964;
2. Ông Võ Văn E, sinh năm: 1969;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông E:* Bà Võ Thị Đ. (Văn bản ủy quyền ngày 26/10/2020)

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ:* Anh Trần Xuân K, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp B1, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. (văn bản ủy quyền 05/01/2022)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Lê Văn L – Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Võ Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn là bà Võ Thị Y, ông Nguyễn Văn S cùng trình bày:

Bà Võ Thị Y và bà Võ Thị Đ là chị em ruột. Sau khi cha mẹ mất, các chị em của bà phân chia đất của cha mẹ để lại, mỗi người đều có phần riêng. Năm 1993, bà Y, bà Đ tiến hành đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia. Năm 2004, thực hiện chủ trương cấp đổi Giấy chứng nhận theo đo đạc tọa độ, bà Y, bà Đ đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới: đất của bà Y là thửa 45, tờ bản đồ 30, diện tích 1.152,9 m²; đất của bà Đ là thửa 249, tờ bản đồ 25, diện tích 2.233,2 m² tọa lạc xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vào năm 2013, bà Y và bà Đ có thỏa thuận trao đổi đất với nhau. Theo đó, bà Y sẽ đưa cho bà Đ phần đất thửa 45, tờ bản đồ 30, diện tích 1.152,9 m² để bà Đ bán cho bà Võ Thị G (là chị em ruột với bà Y, bà Đ); bà Đ sẽ đổi cho bà Y một phần đất nằm ở một góc của thửa 249, tờ bản đồ 25 để bà Y sử dụng vĩnh viễn. Trên phần đất này đã có sẵn căn nhà thờ mà bà Y ở từ trước nay. Ngày 15/5/2013, bà Đ đã bán phần đất thửa 45, tờ bản đồ 30, diện tích 1.152,9 m² cho bà G. Do đất này bà Y đứng tên trên Giấy chứng nhận nên bà Y, ông S ký hợp đồng chuyển nhượng tại Ủy ban nhân dân xã C, còn toàn bộ tiền chuyển nhượng đất và cây trồng là 61.500.000 đồng thì bà Đ nhận. Sau đó bà Đ có cho bà Y 2.000.000 đồng để mua đôi bông tai. Sau đó, hai bên có lập giấy tay đề ngày 11/9/2013, có sự chứng kiến của anh Võ Văn Cười (Võ Văn Lâm). Năm 2016, bà Y tháo dỡ căn nhà cũ để cất lại nhà tường kiên cố thì bà Đ tranh chấp. Quá trình hòa giải ở Ủy ban nhân dân xã C, hai bên đi đến thống nhất, bà Đ cho bà Y xây cất hoàn chỉnh căn nhà mà không tranh chấp, ngăn cản gì nữa. Bà Y nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Đ phải làm thủ tục tách thửa và làm thủ tục để bà Y được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất đã đổi nhưng vợ chồng bà Đ không thực hiện. Nay bà Y, ông S yêu cầu Tòa án tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất ngày 11/9/2013 để ông bà được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế

là 205,1 m² thuộc thửa 249 (Ký hiệu 249a), tờ bản đồ 25 tọa lạc xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn là bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn E cùng trình bày:

Sau khi cha mẹ mất, các chị em của bà Đ phân chia đất của cha mẹ để lại, mỗi người đều có phần riêng. Bà Đ, bà Y đăng ký kê khai để được cấp, sau đó được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: đất bà Y là thửa 45, tờ bản đồ 30, đất của bà Đ là thửa 249, tờ bản đồ 25 tọa lạc xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Trên phần đất bà Đ được cấp giấy chứng nhận có căn nhà do các chị em lập để thờ cha mẹ, bà Đ và bà Y đã ở từ trước. Sau này khi lập gia đình, bà Đ để bà Y ở nhà thờ đó, bà Đ cất nhà ra riêng ở kế bên. Bà Đ thừa nhận có sự việc ngày 15/5/2013, bà Y, ông S ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất diện tích 1.152,9 m² thửa 45, tờ bản đồ 30 do bà Y đứng tên cho bà Võ Thị G, bà Đ nhận 61.500.000 đồng, bà Đ có cho bà Y 2.000.000 đồng (do là chị em nhau nên tặng để bà Y mua đôi bông). Sở dĩ bà Đ nhận toàn bộ tiền chuyển nhượng đất thửa 45, tờ bản đồ 30 là do bà Đ có công sức cải tạo đất, trồng trọt thời gian dài và bà Đ có một nửa trong tổng diện tích đất này. Còn việc bà Đ cho bà Y tiếp tục ở lại nhà thờ mà hai chị em bà ở trước đây và sau này cất lại nhà kiên cố (ngày 20/6/2017 âm lịch) là vì bà nghĩ tình chị em ruột thịt, ở gần để giúp đỡ nhau chứ không có nghĩa là đổi đất. Giấy tay ngày 11/9/2013 là do anh Võ Văn Cười (Võ Văn Lâm) viết, nội dung giấy này không thể hiện việc đổi đất như bà Y trình bày nên bà Y, ông S khởi kiện yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất, yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nêu trên là bà Đ không đồng ý. Tòa án có giải thích cho bà Đ nhưng bà Đ không làm đơn phản tố, không đóng tiền tạm ứng án phí để yêu cầu bà Y di dời nhà trả đất, bà Đ vẫn cho bà Y ở trên đất, không đuổi đi. Bà Đ không đồng ý làm bất cứ thủ tục gì để bà Y, ông S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, ông S thì bà Đ cũng không yêu cầu bà Y, ông S hoàn trả giá trị đất. Đối với số tiền bán đất bà Đ đã nhận từ bà G do bà Y cho bà Đ nên có đòi bà Đ cũng không trả. Hai thửa đất trong vụ án này có nguồn gốc của gia đình bà phân chia cho chị em bà nên chị em bà sẽ tự giải quyết với nhau, ông E ủy quyền cho bà Đ quyết định toàn bộ, ông không ý kiến gì.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện G đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2021/DS – ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Y, ông Nguyễn Văn S.

Buộc bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn E tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất để bà Võ Thị Y, ông Nguyễn Văn S được quyền sử dụng đối với phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 205,1 m² thuộc thửa 249 (ký hiệu 249a), tờ bản

đồ 25 tọa lạc xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm.

(Phần đất nêu trên có tứ cận và các thông tin khác theo hồ sơ đo đạc kèm theo bản án).

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự như án tuyên khi đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/12/2021 bà Võ Thị Đ kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Y di dời nhà nơi khác để trả lại phần đất của bà Đ đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà phát triển kinh tế gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Nguyên đơn khởi kiện giao nộp chứng cứ là Giấy tay đề ngày 11/9/2013, giấy tay này là bản sao, không có chứng thực, cũng không có nội dung nào thể hiện việc đổi đất giữa các bên. Bà Y và bà Đ là chị em ruột nên bà Đ cho bà Y xây nhà ở tạm trên đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn là bà Đ đứng tên. Tuy nhiên, bà Y đã xây nhà kiên cố nên bà Đ yêu cầu bà Y trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Đ theo giá của hội đồng định giá đã định. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Đ, sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Y và ông S trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 07/3/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhận đơn phản tố của bà Võ Thị Đ nộp theo đường bưu điện. Theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định “Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải”. Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không có yêu cầu phản tố mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải thích. Do đó, đơn phản tố của bị đơn nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm là không có cơ sở xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung: Bà Y, ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đ, ông E tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất để ông bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế có diện tích 205.1m² thuộc thửa 249 (Ký hiệu 249a), tờ bản đồ 25 tọa lạc xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Chứng cứ bà Y, ông S khởi kiện là Tờ giấy tay ngày 11/9/2013 lập giữa vợ chồng bà Đ với vợ chồng bà Y, có sự chứng kiến của anh Võ Văn C (Võ Văn L) và Giấy làm nhân chứng của bà Võ Thị G, anh Võ Văn C. Theo đó, bà Y cho rằng bà Đ nhận toàn bộ tiền chuyển nhượng đất của bà Y, đổi lại bà Đ cho bà Y một nền nhà có sẵn căn nhà thờ nằm ở góc của thửa đất do bà Đ đứng tên để bà Y sử dụng vĩnh viễn. Tuy nhiên, bà Đ không đồng ý làm các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật để bà Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Y đã quản lý, sử dụng, cất nhà kiên cố, trồng cây... đứng phần đất mà bà Đ cho bà Y, bà Đ cũng không gây khó khăn, cản trở gì đối với bà Y.

Vào 15/5/2013, chị Võ Thị B, anh Lê Văn N là bên nhận chuyển nhượng thửa đất số 45, tờ bản đồ 30 diện tích 1152.9m² từ bà Võ Thị Y, ông Nguyễn Văn S. Qua làm việc với bà Võ Thị G, bà G cho biết: chính bà đã bỏ tiền ra để nhận chuyển nhượng thửa đất này, sau đó bà cho lại vợ chồng con gái bà là Võ Thị B, anh Lê Văn N. Tiền mua đất bà G giao hết cho bà Đ vì bà Y và bà Đ có thỏa thuận đổi đất cho nhau, bù lại bà Đ đổi cho bà Y phần đất có nhà thờ bà Y đang ở để bà Y ở vĩnh viễn. Lời trình bày của bà G là phù hợp với lời trình bày của bà Đ, bà Y nên có cơ sở xác định bà Y có chuyển nhượng thửa đất số 45, tờ bản đồ 30 diện tích 1.152.9 m² cho bà G và bà Đ nhận toàn bộ tiền bán đất của bà Y là 61.500.000 đồng.

Giấy tay đề ngày 11/9/2013 có nội dung: “...anh chị tôi được quyền sở hữu ở đất trên đất nền nhà tôi đang ở...” có anh Võ Văn L ký tên làm chứng. Các đương sự trong vụ án đều xác nhận giấy tay này là có thật, tuy bản chính giấy tay bị thất lạc nhưng bản photo có nội dung đúng y như bản chính. Bà Đ thừa nhận bà và ông E có ký tên vào giấy tay này. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với anh Võ Văn L là người viết giấy tay đề ngày 11/9/2013. Mặc dù giấy này không ghi rõ việc bà Đ và bà Y chuyển đổi đất cho nhau nhưng bà Đ có kêu bà G bán phần đất mà bà Y đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà Đ trả nợ Ngân hàng và bà Đ sẽ đổi cho bà Y một nền nhà để bà Y ở vĩnh viễn. Tuy giấy tay không nói diện tích bao nhiêu nhưng các bên có xác định ranh giới và bà Y vẫn sử dụng đúng phần đất hai bên xác định. Lúc bà Y xây nhà tường kiên cố, bà Đ không tranh chấp.

Lời trình bày của anh L cũng phù hợp với lời trình bày của bà Võ Thị G, bà Võ Thị V nên có cơ sở xác định có sự đổi đất giữa bà Đ và bà Y. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ cũng đồng ý cho bà Y ở trên đất, không yêu cầu bà Y trả giá trị đất, chứng tỏ việc trao đổi đất là có thật, là hoàn toàn tự nguyện giữa các bên.

Việc bà Đ cho rằng bà không có đổi đất, bà nhận toàn bộ tiền bán đất của bà Y là do có công sức tu bổ, chăm sóc đất và có ½ trong tổng diện tích đất (thửa 45, tờ bản đồ 30) đã bán cho bà G nhưng bà không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, từ khi bà Y được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay bà Đ cũng không khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền nên có cơ sở xác định phần đất đã bán cho bà G là của bà Y.

[3] Vào năm 2016, bà Y chuẩn bị xây nhà tường kiên cố trên đất của bà Đ thì có tranh chấp và được chính quyền địa phương hòa giải đi đến thống nhất. Ngày 20/6/2017 âm lịch, bà Đ giao đất cho bà Y để bà Y khởi công xây nhà tường kiên cố trên phần đất mà hai bên xác định cho đến khi hoàn thành, không ai tranh chấp. Sau đó, bà Y yêu cầu bà Đ làm thủ tục để bà Y được cấp Giấy chứng nhận thì bà Đ không đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy: Cho đến ngày 01/01/2017, giao dịch dân sự giữa hai bên vẫn đang được thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "...Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó..." Thực tế, bà Đ đã nhận 61.500.000 đồng là tiền bà Y chuyển nhượng đất cho bà G; năm 2017, bà Đ giao đất cho bà Y để bà Y xây nhà tường kiên cố. Do đó, bà Y, ông S yêu cầu bà Đ, ông E tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất ngày 11/9/2013 để bà Y, ông S được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 205.1m² thuộc thửa 249, tờ bản đồ 25 tọa lạc xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre là có cơ sở chấp nhận, kháng cáo của bà Đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Đ là thân nhân liệt sĩ nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2021/DS – ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ khoản 2 Điều 129, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 106, 136 của Luật đất đai 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Y, ông Nguyễn Văn S.

Buộc bà Võ Thị Đ, ông Võ Văn E tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất với bà Võ Thị Y, ông Nguyễn Văn S đối với phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 205,1 m² thuộc thửa 249 (ký hiệu 249a), tờ bản đồ 25 tọa lạc xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm.

(Có hồ sơ đo đạc kèm theo bản án)

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nội dung bản án tuyên.

2. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí thu thập chứng cứ (đo đạc, định giá, thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...) tổng cộng là 2.664.000 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng. Bà Y tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Đ được miễn án phí.

Ông Võ Văn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Văn S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003909 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Đ được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương